



## GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP MAY HUNG YÊN

**Nguyễn Thị Kim Dung, Đỗ Thị Loan**  
Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh

Ngày nhận: 21/01/2017  
Ngày sửa chữa: 19/02/2017  
Ngày xét duyệt: 10/03/2017

### Tóm tắt:

*Tài sản cố định trong các doanh nghiệp sản xuất may mặc có vai trò chủ đạo, là điều kiện để đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, việc hạch toán, quản lý và sử dụng tài sản cố định tại các doanh nghiệp may hiện nay còn nhiều bất cập chưa phù hợp với quy định và thực tế sử dụng tài sản tại các doanh nghiệp dẫn đến hạch toán chi phí không đúng, hiệu quả kinh tế thấp.*

*Bài viết này tập trung vào khảo sát thực trạng kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp may Hưng Yên, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm giải quyết các vướng mắc về kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp may.*

**Từ khóa:** Tài sản cố định, Doanh nghiệp may Hưng Yên, Kế toán Tài sản cố định.

### 1. Đặt vấn đề

Tài sản cố định (TSCĐ) không chỉ là điều kiện cơ bản, là nền tảng của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp mà tài sản cố định thường chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng số tài sản, vốn doanh nghiệp. Giá trị tài sản ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Giá trị tài sản cố định ngày càng lớn thì yêu cầu quản lý sử dụng ngày càng chặt chẽ, khoa học và hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, do số lượng tài sản cố định sử dụng trong ngành may là rất lớn, việc quản lý, lựa chọn phương pháp tính và hạch toán hao mòn vào chi phí đòi hỏi phải hợp lý. Quản lý và sử dụng tốt TSCĐ không chỉ có tác dụng nâng cao chất lượng năng lực hoạt động, tiết kiệm vốn mà còn là một biện pháp quan trọng khắc phục những tổn thất do hao mòn tài sản cố định gây ra.

Với mục tiêu tìm hiểu thực trạng kế toán tài sản cố định trong các doanh nghiệp may, từ đó đề xuất biện pháp giải quyết các vấn đề bất cập mà đa số các doanh nghiệp may Hưng Yên đang còn vướng mắc.

### 2. Thực trạng kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp may Hưng Yên

Sau khi tái lập tỉnh, cơ cấu kinh tế của tỉnh

Hưng Yên đã có những bước chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng nhanh, giá trị sản xuất tăng bình quân 26,7% năm, hình thành một số ngành sản xuất có tính động lực như điện tử, dệt may, cơ khí và luyện thép, trong đó ngành công nghiệp dệt may được đánh giá là một trong những ngành mang lại nguồn thu chủ yếu cho ngân sách của tỉnh

Thực tế cho thấy, đối với tỉnh Hưng Yên, ngành may mặc là ngành công nghiệp chủ lực, đóng góp chủ yếu cho kim ngạch xuất khẩu của tỉnh và là ngành công nghiệp thu hút số lượng lao động lớn nhất, góp phần tạo công ăn việc làm hiệu quả nhất cho người lao động trên địa bàn tỉnh. Hiện nay ngành may mặc thu hút khoảng 60% lao động hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp trên địa bàn tỉnh, với cơ cấu dân số đông, tỷ lệ nữ giới chiếm tới 54%, có thể nói Hưng Yên có tiềm năng rất lớn để phát triển ngành công nghiệp dệt may.

Tại các doanh nghiệp may nói chung và các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nói riêng TSCĐ thường chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng tài sản. Theo khảo sát thực tế ở một số doanh nghiệp may Hưng Yên như: Tổng Công ty May Hưng Yên, Công ty CP may Phố Hiến, Công ty Cổ phần may và DV Hưng Long ... cho thấy (Bảng 1):

Bảng 1. Tỷ trọng giá trị TSCĐ trong tổng tài sản (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Công ty CP may Hưng Yên	Công ty CP may và DV Hưng Long	Công ty TNHH may Phố Hiến
1. Giá trị TSCĐ	24.838.717.745	15.402.187.601	5.051.766.665
2. Tổng tài sản	62.082.098.648	34.908.673.761	12.806.785.309

3. Tỷ trọng TSCĐ/tổng TS	0,40	0,44	0,39
4. Tỷ trọng từng TSCĐ (MMTB)	0,38	0,27	0,69
5. Tỷ trọng TSCĐ bp sản xuất	42,51	41,83	38,98
6. Vốn chủ sở hữu	35.162.144.263	17.786.982.341	4.278.967.439
7. Tỷ suất tự tài trợ TSCĐ	1,42	1,15	0,85

Bảng số liệu trên cho thấy khái quát giá trị TSCĐ của một số công ty những năm gần đây. Tài sản cố định chiếm một phần lớn trong tỷ lệ tài sản kinh doanh của các doanh nghiệp. Với đặc thù là ngành sản xuất may mặc nên cần rất nhiều máy may công nghiệp do đó tỷ trọng TSCĐ lớn sẽ phản ánh tình trạng TSCĐ và hiệu quả sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp tốt. Đồng thời chỉ tiêu tỷ suất tự tài trợ TSCĐ (tính bằng Vốn chủ sở hữu / Giá trị TSCĐ) này cho biết số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp dùng cho đầu tư TSCĐ. Tỷ suất lớn hơn 1 cho biết doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh. Do ảnh hưởng và tầm quan trọng của TSCĐ nên nó chi phối tới công tác hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp này.

**Qua nghiên cứu thực trạng kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp may Hưng Yên tác giả nhận thấy công tác kế toán TSCĐ đã có những ưu điểm sau:**

*Thứ nhất:* Về quản lý tài sản cố định. Các DN đã tổ chức thực hiện kế toán TSCĐ theo chế độ quy định tương đối đầy đủ, từ khâu mua đến khi đưa vào sử dụng, thu nhận các thông tin ban đầu, xử lý, hệ thống hóa và cung cấp các số liệu về tình hình biến động và hiện có của TSCĐ, phục vụ có hiệu quả cho công tác quản lý.

*Thứ hai:* Về kế toán chi tiết TSCĐ. Kế toán chi tiết được phản ánh tương đối hợp lý. Doanh nghiệp có mở sổ TSCĐ theo bộ phận sử dụng để theo dõi một cách cụ thể TSCĐ sử dụng trong phạm vi của mình và gắn trách nhiệm vật chất của người sử dụng với TSCĐ góp phần nâng cao trách nhiệm đối với TSCĐ của bộ phận trực tiếp sử dụng.

*Thứ ba:* Về kế toán khấu hao TSCĐ. Các doanh nghiệp đã áp dụng đúng phương pháp tính và trích khấu hao của Bộ Tài Chính quy định. Việc tính khấu hao cho từng loại TSCĐ theo đúng số năm sử dụng và nguyên giá của TSCĐ, đảm bảo phản ánh trung thực các thông tin về giá trị của TSCĐ.

*Thứ tư:* Về tổ chức hệ thống sổ kế toán và phương tiện hỗ trợ. Các doanh nghiệp may hầu hết đều áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ là chủ yếu. Chứng từ, mẫu, biểu được thiết kế khoa học, hợp lý. Do đặc điểm ngành may sử dụng nhiều máy móc nên các doanh nghiệp may áp dụng máy vi tính vào công tác kế toán đã giảm bớt khối lượng ghi chép bằng tay, thuận tiện trong việc quản lý số

liệu. Trong phòng kế toán các máy tính có mạng nội bộ kết nối với máy chủ từ đó thuận tiện cho việc quản lý, chiết xuất thông tin từ phần mềm ra sử dụng làm báo cáo. Và các kế toán viên có thể đồng thời nhập dữ liệu vào phần mềm cùng một lúc. Ngoài ra, các doanh nghiệp may còn trang bị mạng internet giúp cập nhật thông tin thay đổi từ chính sách nhà nước, máy in, máy foto, máy fax... phục vụ đắc lực cho công tác kế toán.

*Thứ năm:* Cung cấp thông tin về TSCĐ. Thông tin về TSCĐ tại doanh nghiệp được cung cấp khá đầy đủ cho việc phân tích tình hình biến động của TSCĐ, hỗ trợ đắc lực cho việc ra quyết định của những người sử dụng thông tin trong và ngoài DN.

**Tuy nhiên từ thực tế kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp may Hưng Yên trong những năm qua cho thấy bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế như sau:**

*Thứ nhất:* Về kế toán chi tiết TSCĐ. Trên thực tế, tại các DN may tài sản thường chỉ có mã tài sản mà chưa có tên tài sản. Với đặc điểm là ngành sản xuất may mặc nên số lượng tài sản khá lớn. Các tài sản trong phần mềm được kế toán chiết xuất ra bằng kê chủ yếu là tên tiếng anh, mã tài sản ghi bằng chữ viết tắt. Tem ghi mã tài sản khó dính nhãn mác và hay bị bong, tróc hoặc dầu mỡ dính vào khiến không nhìn rõ gây khó khăn cho việc kiểm kê tài sản cho nhân viên kế toán. Như vậy sẽ tốn rất nhiều thời gian cho công việc kiểm kê tài sản, làm giảm hiệu quả công việc. Đây là cách làm dập khuôn từ nhiều năm nay. Hơn nữa, phòng kế toán chỉ theo dõi, quản lý tài sản về mặt giá trị. Khi có sự biến động tăng, giảm, thanh lý, nhượng bán... mọi chứng từ liên quan được chuyển lên phòng kế toán, kế toán căn cứ vào đó cập nhật vào hệ thống phần mềm. Tuy nhiên những tính năng, khả năng hoạt động, số lượng, các thông số kỹ thuật... được giao cho các phòng ban là người trực tiếp sử dụng quản lý. Từ đó, dẫn tới những hạn chế nhất định trong việc cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình, hiện trạng tài sản tại các bộ phận.

*Thứ hai:* Về tính và trích khấu hao TSCĐ. Chi phí khấu hao TSCĐ phân bổ hết vào chi phí sản xuất chung làm tăng giá thành sản xuất trong kì. Các doanh nghiệp may thiên về sản xuất hàng may mặc nên đã đồng nhất chi phí khấu hao TSCĐ dù ở bộ phận nào cũng cho vào chi phí sản xuất. Nhưng bên

cạnh lĩnh vực sản xuất, các doanh nghiệp may này còn thực hiện việc kinh doanh thương mại nên có bộ phận máy móc phục vụ cho hoạt động thương mại, phòng quản lý điều hành doanh nghiệp như máy tính, máy photo, máy điều hòa... Hơn nữa, chế độ kế toán áp dụng tại các DN may theo thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành 22/12/2014 thì khấu hao những tài sản này sẽ hạch toán vào chi phí sản xuất, chi phí bán hàng hoặc chi phí quản lý doanh nghiệp.

*Thứ ba:* Về phương pháp khấu hao. DN sử dụng phương pháp khấu hao TSCĐ chưa hợp lý. Tại các DN may chỉ áp dụng duy nhất phương pháp khấu hao đường thẳng. Phương pháp này có ưu điểm là tính toán đơn giản nhưng chưa phản ánh đúng được chi phí khấu hao bỏ ra trong từng giai đoạn sử dụng tài sản, không phản ánh đúng chi phí bỏ ra với lợi ích thu được từ việc sử dụng tài sản. Vì những năm đầu máy móc còn mới, năng suất sử dụng cao, ít hỏng hóc. Những năm tiếp theo máy móc bị hao mòn vô hình làm giá trị sử dụng TSCĐ giảm đi, việc thu lợi ích từ TSCĐ cũng giảm đi. Từ đó, dẫn đến sự mất cân đối giữa chi phí bỏ ra và lợi ích thu được. Hơn nữa, mức độ đóng góp vào sản xuất kinh doanh của mỗi TSCĐ là khác nhau như TSCĐ tham gia trực tiếp vào sản xuất kinh doanh có đóng góp lớn. Vì vậy, chỉ sử dụng một phương pháp khấu hao áp dụng cho tất cả TSCĐ của DN là không hợp lý.

*Thứ tư:* Về kế toán sửa chữa lớn TSCĐ. Thông thường công tác sửa chữa lớn TSCĐ ở các doanh nghiệp may trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đều được thuê ngoài. Các bộ phận quản lý TSCĐ hàng năm không xây dựng kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng nên kế toán không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ. Khi phát sinh sửa chữa thì chi phí sửa chữa lớn TSCĐ kết chuyển hết vào chi phí sản xuất chung trong kỳ. Vì vậy, toàn bộ chi phí sửa chữa lớn phát sinh ở kỳ kế toán nào sẽ được hạch toán trực tiếp vào đối tượng chịu chi phí đó. Điều này ảnh hưởng đến chi phí, giá thành sản phẩm của kỳ đó.

*Thứ năm:* Về ghi nhận chi phí khấu hao. Trong các sổ kế toán TSCĐ chưa phản ánh rõ mục đích sử dụng của TSCĐ, chưa phân loại rõ TSCĐ sử dụng cho kinh doanh và cho hoạt động phúc lợi. Hiện nay, trong các doanh nghiệp may, các tài sản phúc lợi như nhà để xe, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, xe đưa đón người lao động... không được tính khấu hao và ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Theo thông tư 45/2013/TT-BTC có quy định những TSCĐ phúc lợi sử dụng với mục đích phúc lợi, không tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không tính khấu hao, còn những TSCĐ phúc lợi phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp (tức là phục vụ cho mục đích

sản xuất) thì phải tính khấu hao và ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Do có sự nhầm lẫn nên kế toán đã hạch toán tất cả các TSCĐ phúc lợi phục vụ cho người lao động được coi là hoạt động phúc lợi mà bỏ qua khoản chi phí này.

### 3. Một số giải pháp nhằm giải quyết các vướng mắc về kế toán TSCĐ tại các doanh nghiệp may Hưng Yên

#### *Hoàn thiện kế toán chi tiết TSCĐ*

Với đặc điểm là các doanh nghiệp sản xuất sử dụng nhiều tài sản, các tài sản có nguồn gốc khác nhau vì được mua sắm từ nhiều nơi khác nhau. Có tài sản đóng góp trực tiếp và gián tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm nên tốc độ hao mòn khác nhau. Hơn nữa, tài sản được sử dụng và quản lý ở nhiều bộ phận, phòng ban trong DN nên kế toán TSCĐ tại doanh nghiệp cũng gặp những vấn đề nhất định về quản lý, về việc ghi nhận kịp thời nghiệp vụ phát sinh hoặc cân nhắc trách nhiệm của các phòng ban liên quan khi phát sinh nghiệp vụ mới về TSCĐ. Để quản lý TSCĐ được dễ dàng và thuận tiện DN cần phải hoàn thiện kế toán chi tiết TSCĐ. Trong đó, nội dung quan trọng cần hoàn thiện là lập danh điểm cho TSCĐ. Khi xây dựng danh điểm TSCĐ thì DN cần quản lý các chỉ tiêu như: loại tài sản, nhóm tài sản, nơi sử dụng, xuất xứ và năm đưa vào sử dụng. Do đó, DN phải phân loại tài sản và xây dựng ký hiệu đồng nhất cho TSCĐ. Xây dựng hệ thống phân loại và ký hiệu khoa học, chặt chẽ, phân chia chi tiết và cụ thể phần nào đóng góp đáng kể cho công tác quản lý và kiểm kê TSCĐ tại DN. Các tài sản thuộc cùng hạng mục được phân loại và xây dựng ký hiệu theo nguyên tắc thống nhất. Đồng thời với mỗi mức phân loại này các mã ký hiệu được gắn với tên tài sản. Nguyên tắc ký hiệu theo mô hình sau:

* * * * *	_	****
1	2	3
4	5	6
-		
7		

Trong đó số thứ tự 1 thể hiện loại TSCĐ (bắt đầu bằng số 2 thuộc loại TS dài hạn để phân biệt với TS ngắn hạn loại 1), số thứ tự 2 thể hiện phân loại chung tài sản – loại chung (tương ứng với tài khoản cấp 1 của TSCĐ), số thứ tự 3 thể hiện nhóm cấp 1 (tương ứng với tài khoản cấp 2 TSCĐ), số thứ tự 4, 5 thể hiện mức phân nhóm nhỏ hơn, số thứ tự 6 là xuất xứ hoặc nơi sử dụng hoặc năm đưa vào sử dụng, chuỗi ký tự sau số thứ tự 6 là số thứ tự của tài sản được mua sắm trong cùng chủng loại. Tác giả xin đề xuất các phương án đánh số ký hiệu TSCĐ như sau:

DN quản lý chi tiết đến các chỉ tiêu như loại, nhóm, xuất xứ, nơi sử dụng và năm đưa vào sử dụng.

Ví dụ: 2-1-2-1-1-2-3-5-006 - Máy cắt. Trong

đó,

2	Loại TSCĐ
1	Phân loại: TSCĐ hữu hình
2	Nhóm: máy móc, thiết bị
1	Tiểu nhóm: Máy móc
1	Chi tiết tiểu nhóm: Máy cắt
2	Năm đưa vào sử dụng: 2008
3	Xuất xứ: Mỹ
5	Bộ phận sử dụng: phân xưởng
6	Số thứ tự tài sản: Máy cắt thứ 6 mua về sử dụng

Danh điểm TSCĐ sau khi được xác định phải được gắn vào từng thứ tài sản để đảm bảo cho việc quản lý, kiểm tra tình hình bảo quản sử dụng và phục vụ cho quá trình kiểm kê, đánh giá lại tài sản khi cần thiết một cách thuận lợi. Mặt khác, trên các chứng từ, sổ và thẻ kế toán cũng phải ghi rõ mã từng tài sản cố định đã từng xác định. Trên thẻ TSCĐ cần bổ sung một số thông tin như: bộ phận quản lý sử dụng (kế toán, kinh doanh, phân xưởng, hành chính), phương pháp tính khấu hao (khấu hao đường thẳng, sản lượng, số dư giảm dần có điều chỉnh). Và trên sổ TSCĐ cần bổ sung thêm cột bộ phận sử dụng nhằm cung cấp số liệu về các TSCĐ sử dụng ở từng bộ phận từ đó có thể đánh giá chính xác hiệu quả sử dụng tài sản trong quá trình kinh doanh, số khấu hao của các TSCĐ được tính vào chi phí của từng bộ phận và bộ phận chịu trách nhiệm vật chất đối với TSCĐ.

#### ***Hoàn thiện kế toán khấu hao TSCĐ***

##### **a) Áp dụng phương pháp khấu hao linh hoạt**

Hiện tại, các DN may đang áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng, phương pháp này có ưu điểm là dễ làm, đơn giản, khối lượng công việc ít nhưng nó không phản ánh đúng chi phí mà TSCĐ đã bỏ ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì những năm đầu công suất hoạt động của TSCĐ cao, nhưng qua thời gian sử dụng TSCĐ bị hao mòn dần và công suất hoạt động sẽ giảm đi nhưng mức trích khấu hao thì vẫn như năm trước. Với đặc thù của ngành may là sản xuất theo mùa vụ, đơn đặt hàng nên khi có đơn hàng về thì máy móc sử dụng tối đa, hết công suất để đảm bảo lượng hàng ra đúng thời gian quy định. Hơn nữa, mức độ tham gia của mỗi tài sản khác nhau, có những tài sản đóng góp trực tiếp vào sản xuất như máy cắt, máy may..., có những tài sản chỉ tham gia gián tiếp vào quá trình sản xuất như máy vi tính, phần mềm chăm công... Bên cạnh đó là sự tác động của khoa học kỹ thuật ngày càng cao nếu DN chỉ áp dụng một phương pháp khấu hao đường thẳng thống nhất cho tất cả tài sản thì không phản ánh đúng được sự

đóng góp của từng tài sản và trong nhiều trường hợp không thu hồi vốn kịp thời do không tính hết được sự hao mòn vô hình của TSCĐ. Với mỗi nhóm tài sản DN cần áp dụng các phương pháp khấu hao phù hợp với đặc thù từng loại tài sản.

Theo tác giả nên áp dụng linh hoạt phương pháp khấu hao phù hợp với từng loại tài sản, đặc điểm sử dụng, đóng góp của tài sản trong quá trình hoạt động của DN. DN sẽ áp dụng linh hoạt ba phương pháp khấu hao: theo đường thẳng, sản lượng, số dư giảm dần (khấu hao nhanh) thích hợp với đặc thù từng nhóm tài sản. Cụ thể như sau:

- Phương pháp khấu hao nhanh được áp dụng với những tài sản thuộc lĩnh vực có công nghệ đòi hỏi phải thay đổi, phát triển nhanh; DN sớm thu hồi vốn để tái đầu tư đổi mới TSCĐ như Máy vi tính, máy foto, máy điều hòa, phần mềm kế toán, chăm công, quản lý.

- Khấu hao theo sản lượng được áp dụng với tài sản trực tiếp liên quan đến việc sản xuất sản phẩm, đóng góp trực tiếp sản xuất sản phẩm như: máy may, máy cắt, máy ép nhiệt, ô tô chở hàng, xe nâng.

- Khấu hao đường thẳng áp dụng với những tài sản còn lại như nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành, nhà kho.

##### **b) Xác định mức trích khấu hao**

Xác định thời gian sử dụng của TSCĐ theo thông tư 45/2013/BTC. Với nhà xưởng, nhà điều hành... thời gian sử dụng 7-14 năm, máy móc thiết bị ngành may mặc: dây chuyền sản xuất, máy may, máy ép nhiệt... 5-7 năm, phương tiện: ô tô tải, xe nâng... 3-6 năm, dụng cụ quản lý 3-5 năm, quyền sử dụng đất có thời hạn 30-50 năm; phần mềm máy quản lý, chăm công, kế toán 3-5 năm...

Mức trích khấu hao

+/- Khấu hao theo sản lượng: theo phương pháp này căn cứ vào hồ sơ kỹ thuật của TSCĐ, xác định số lượng, khối lượng sản phẩm sản xuất theo công suất thiết kế (sản lượng theo công suất thiết kế) để xác định mức khấu hao.

$$\text{Mức trích} \\ \text{khấu hao} \\ \text{(tháng)} = \frac{\text{Nguyên giá} \\ \text{TSCĐ}}{\text{Số lượng theo} \\ \text{công suất} \\ \text{thiết kế}} \times \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm sản xuất} \\ \text{trong tháng}$$

Ví dụ: Ngày 12/05/2015 Công ty cổ phần may và dịch vụ Hưng Long mua 1 máy cắt giá 40.500.000 đồng, công suất thiết kế của máy 30 m<sup>3</sup>/giờ. Số lượng theo công suất thiết kế là 2.389.526 chiếc, số lượng sản phẩm đạt được trong tháng 6 năm 2015 là 428.375 chiếc.

$$\begin{aligned} \text{Mức trích} &= \frac{40.500.000}{\text{khấu hao}} \times 428.375 \\ \text{(tháng)} &= \frac{2.389.526}{2.389.526} \times 428.375 \\ &= 7.260.514 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

+/ Khấu hao theo phương pháp đường thẳng:

$$\text{Mức trích khấu hao trung bình (năm)} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}}$$

Mức trích khấu hao trung bình tháng bằng số khấu hao phải trích cả năm chia cho 12 tháng.

Ví dụ: ngày 12/4/2015 Công ty TNHH may Phố Hiến nhận bàn giao nhà xưởng sản xuất, giá quyết toán công trình là 219.437.000 đồng, thời gian sử dụng dự kiến 14 năm.

$$\begin{aligned} \text{Mức trích} &= \frac{219.437.000}{\text{khấu hao}} = 15.674.071 \\ \text{trung bình} & \\ \text{(năm)} & \end{aligned}$$

+/ Khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh:

Xác định mức trích khấu hao năm của TSCĐ trong những năm đầu:

$$\begin{aligned} \text{Mức trích khấu} &= \frac{\text{Giá trị còn}}{\text{hao hàng năm}} = \frac{\text{lại của}}{\text{TSCĐ}} \times \frac{\text{Tỷ lệ}}{\text{khấu hao}} \\ \text{của TSCĐ}} & \text{ nhanh} \end{aligned}$$

Trong đó:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ khấu} &= \frac{\text{Tỷ lệ khấu hao}}{\text{hao nhanh}} = \frac{\text{TSCĐ theo pp}}{\text{đường thẳng}} \times \frac{\text{Hệ số điều}}{\text{chỉnh}} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ khấu hao} &= \frac{1}{\text{TSCĐ theo pp}} \times 100 \\ \text{đường thẳng}} & \text{ dụng của TSCĐ} \end{aligned}$$

Hệ số điều chỉnh được quy định theo thời gian như sau:

Thời gian sử dụng của tài sản cố định	Hệ số điều chỉnh (lần)
Đến 4 năm (t < 4 năm)	1,5
Trên 4 đến 6 năm (4 năm < t < 6 năm)	2,0
Trên 6 năm (t > 6 năm)	2,5

Những năm cuối khi mức khấu hao năm (phương pháp số dư giảm dần) bằng hoặc thấp hơn mức khấu hao tính bình quân thì kể từ năm đó, mức khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng.

### c) Về phương pháp kế toán khấu hao TSCĐ

Hiện nay các doanh nghiệp may tập hợp

toàn bộ chi phí khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất chung. Cách hạch toán này không thấy được tình hình khấu hao của riêng bộ phận sản xuất, bộ phận quản lý và bộ phận bán hàng.

Để thuận tiện cho việc theo dõi tình hình trích khấu hao TSCĐ doanh nghiệp nên phân bổ chi phí khấu hao TSCĐ cho các đối tượng sử dụng, đó là bộ phận sản xuất, bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý tương ứng với các tài khoản theo qui định của TT200/2014/TT-BTC

TK 627: Chi phí sản xuất chung

TK 6271: Chi phí sản xuất chung PX 1

TK 6272: Chi phí sản xuất chung PX 2

TK 6273: Chi phí sản xuất chung PX 3 (pha cắt)

TK 641: Chi phí bán hàng.

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **Hoàn thiện kế toán sửa chữa lớn TSCĐ**

Để chủ động về tài chính cũng như không phát sinh chi phí quá lớn trong một giai đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh khi phát sinh sửa chữa lớn TSCĐ, doanh nghiệp nên lập kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

\* Đối tượng trích trước: là những tài sản trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất như máy cắt, máy may, máy khâu, dây truyền công nghệ...

\* Mức trích trước sửa chữa lớn đối với mỗi TSCĐ:

Sửa chữa lớn được diễn ra gần như hàng năm đối với các máy cũ hoặc vài năm đối với các máy mới. Các chi tiết, cụm chi tiết được thay thế có giá trị cao. Dựa trên kế hoạch sản xuất, công suất thiết kế, sản lượng kế hoạch DN xác định thời gian, kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ phù hợp cho từng loại tài sản. Hoặc có thể căn cứ vào quy trình bảo trì của nhà cung cấp thiết bị để xác định chi phí cho phần công việc này.

Để lập dự toán trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thì phải ước tính số lượng chi tiết lao động cần sử dụng; đơn giá vật liệu, nhân công. Bộ phận kỹ thuật phải lập đơn hàng vật tư, nhiên liệu, thiết bị cho từng danh mục sửa chữa lớn. Căn cứ vào báo giá trên thị trường, nhà cung cấp, nhà sản xuất xác định đơn giá dự toán những vật liệu, phụ tùng, chi tiết, bộ phận sẽ thay thế trong TSCĐ, một vật liệu lấy báo giá ít nhất của ba nhà cung cấp. Bên cạnh, là tiền công của người lao động tham gia sửa chữa, đơn giá tiền công dự toán dựa trên cơ sở giá mặt bằng của thị trường hoặc tính bằng cách lấy lương tối thiểu cộng (+) trợ cấp.... Như vậy, mức trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ ước tính dựa trên cơ sở chi phí lao động, chi phí vật liệu phát sinh trong quá trình sửa chữa.

Tác giả xin đưa ra công thức ước tính mức trích trước chi phí sửa chữa lớn:

Mức trích trước CP sửa chữa lớn = Chi phí vật liệu, phụ tùng, chi tiết, linh kiện thay thế + Chi phí nhân công sửa chữa lớn

Trong đó:

Chi phí chi tiết thay thế = Số lượng chi tiết thay thế x Giá dự toán chi tiết thay thế

Chi phí nhân công = Số lượng nhân công x Mức lương thỏa thuận

Ngoài ra, mức trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ này phải đảm bảo điều kiện sau khi trích trước DN kinh doanh vẫn có lãi.

Ví dụ: Cuối năm 2015 Công ty Cổ phần may Hưng Yên dự kiến tháng 3 năm 2016 sẽ tiến hành sửa chữa lớn hệ thống băng chuyền may. Căn cứ vào kế hoạch, báo giá đưa ra số lượng thiết bị thay thế như sau: 20m dây băng tải giá 90 ngàn đồng/m,

4 con lăn với giá 5,3 triệu đồng/con, 1 hộp giảm tốc giá 31 triệu đồng.

Mức trích trước chi phí SCL (3 tháng) = 20 x 90.000 + 4 x 5.300.000 + 1 x 31.000.000 = 54.000.000

Mức trích trước mỗi tháng = 54.000.000 : 3 = 18.000.000 đồng.

Đến cuối niên độ kế toán căn cứ vào chi phí sửa chữa lớn thực tế phát sinh và số đã trích trước, kế toán có nghĩa vụ điều chỉnh cho phù hợp.

Nếu chi phí trích trước sửa chữa lớn TSCĐ nhỏ hơn chi phí thực tế phát sinh thì kế toán ghi tăng chi phí hạch toán toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí trong kỳ.

Nếu chi phí trích trước sửa chữa lớn TSCĐ lớn hơn chi phí thực tế phát sinh, kế toán sẽ điều chỉnh giảm chi phí kinh doanh trong kỳ.

Với cách trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ này sẽ làm giá thành sản xuất giữa các kỳ của DN được ổn định.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ tài chính, *Thông tư 200/2014/BTC-TT ngày 22/12/2014*, 2014, NXB Tài chính.
- [2]. Bộ tài chính, *Thông tư 45/2013/ TT-BTC chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao*, 2013, NXB Tài chính.
- [3]. Bộ Tài Chính, *TT200/2014/TT-BTC Hệ Thống Tài khoản kế toán*, 2014, NXB Tài chính.
- [4]. Sổ sách, chứng từ kế toán TSCĐ của công ty CP May Hưng Yên, Công ty TNHH May Phố Hiến, Công ty CP May Hưng Long...

## SOLUTIONS TO IMPROVE NON-CURRENT ASSET ACCOUNTING AMONG GARMENT ENTERPRISES IN HUNG YEN PROVINCE

### Abstract:

*Noncurrent assets play critical roles in garment manufacturing enterprises. They are considered as conditions to ensure the production continuity and improvement of product quality. However, the management, utilization and accounting of non-current assets in garment businesses are still inefficient and inadequate in comparison with the actual use of assets within organizations, which brings about inaccurate accounting and low economic efficiency.*

*This article focuses on examining the current status of depreciation accounting for non-current assets in garment enterprises in Hung Yen province and proposing several solutions to tackle the problems related to non-current asset accounting in garment businesses.*

**Keywords:** *Non-current assets, Hung Yen Garment enterprises, Non-current Asset Accounting.*